

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/12/2021

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hải Dương

2/ Ông Tạ Minh Tiếp

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: ông Vũ Hồng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp việc nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: chị Trần Thị L, sinh năm: 1986

* Bị đơn: anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1985

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 25/12/2006

Cháu Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 11/9/2012

Người đại diện theo pháp luật của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
chị Trần Thị L, sinh năm: 1986, là mẹ đẻ cháu K, cháu Kh.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên

* Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1959

2/ Bà Hoàng Thị N, sinh năm: 1962

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên

Tại phiên tòa, có mặt chị L, cháu K, cháu Kh

Vắng mặt anh S không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Văn S, đăng ký kết hôn ngày 15/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Sau khi hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, anh chị ở tại gia đình anh S cùng bố mẹ chồng. Năm 2018, anh chị xây nhà ở riêng. Sau khi kết hôn được 07 tháng, lúc đó chị đang mang thai, chị phát hiện anh S ngoại tình, anh bỏ hết công việc, dọn cả quần áo đi theo người phụ nữ đó, chị có khuyên anh quay về với vợ con nhưng anh chỉ về được một thời gian ngắn là anh lại quen cô khác, cho đến tận bây giờ, anh S đã ngoại tình với rất nhiều người. Chị nghe nói anh S đã có con riêng. Ngoài ra, anh S còn chơi bời, cờ bạc. Chị thương các con nên cố gắng chung sống với anh S và đã nhiều lần trả các khoản nợ ngoài xã hội do anh S chơi bời. Số tiền chị trả nợ cho anh S lên đến gần một tỷ đồng, thậm chí dân xã hội còn theo chị đến chỗ chị bán hàng để đòi nợ, gây áp lực cho cuộc sống của chị. Lúc đó, anh S đã trốn đi, trong thời gian đó anh còn ở với người phụ nữ khác. Trong nhà có gì đáng giá anh S mang đi bán hết, chị mua máy tính cho con học anh cũng lấy trộm đi bán, điện thoại của chị và chiếc xe máy cũ của chị dùng để đi chợ anh cũng mang đi bán. Anh S sống như thế đã nhiều năm, chị và gia đình đã khuyên can anh nhưng không được. Chị một mình lao động nuôi con, trả nợ cho anh S và còn xây nhà. Chị cố gắng chịu đựng anh S nhiều năm như vậy là vì thương các con và cũng hy vọng khi nhiều tuổi, anh chín chắn hơn sẽ nghĩ về gia đình, vợ con mà quay đầu. Nhưng đến nay, anh S vẫn không hề thay đổi. Từ năm 2018, sau khi xây nhà xong, anh S lại không về nhà, thậm chí tết anh cũng không về. Khoảng mấy tháng nay, anh S lại về nhà nhưng anh chị ly thân, chị và các con ăn cùng bố mẹ chồng còn anh S ăn riêng. Chị không thể chịu đựng thêm được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 25/12/2006 và cháu Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 11/9/2012. Chị đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Chị không đồng ý để anh S nuôi con vì anh S không có trách nhiệm với vợ con từ nhiều năm nay, anh chơi bời, ngoại tình, làm khổ bố mẹ, vợ con và đến nay vẫn không thay đổi, về tư cách cũng như điều kiện kinh tế anh không đủ để nuôi con. Chị cũng đã hỏi nguyện vọng của các con, các cháu đều muốn ở với mẹ.

Chị buôn bán thịt lợn từ nhiều năm nay, hiện tại còn buôn bán thêm hoa quả, thu nhập trung bình một tháng 20.000.000đ.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận việc kết hôn, đăng ký kết hôn với chị L như chị L trình bày trên. Anh chị chung sống bình thường cho đến cách đây khoảng 2-3 năm thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh chơi bời, cờ bạc, mắc nợ ngoài xã hội. Do chưa trả được nợ nên anh phải trốn đi nơi khác để tránh nợ. Anh lên Lạng Sơn làm bốc vác và thỉnh thoảng mới về nhà một lần. Anh vắng nhà là vì để tránh nợ chứ không phải anh ngoại tình. Hiện nay, anh đã trả hết nợ và từ Tết nguyên đán 2021 đến nay anh ở nhà. Hiện tại, anh làm công nhân tại một công ty gần nhà. Anh đã xin lỗi chị L và hứa sẽ sửa đổi mọi lỗi lầm nhưng chị L không chấp nhận. Từ khi anh về đến nay, anh và chị L rất ít khi nói chuyện với nhau, vợ chồng lạnh nhạt, anh chị ăn riêng, ngủ riêng, việc ai người đó làm, thu nhập của ai người đó dùng, không khí trong gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi. Anh không muốn ly hôn vì sợ gia đình tan nát, các con phải khổ nhưng sau đó anh thay đổi quan điểm, vì chị L kiên quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: Anh xác nhận anh chị có 02 con chung như chị L trình bày. Anh đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Duy Kh cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, anh đang làm công nhân, thu nhập trung bình 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Thị K trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn Văn S, mẹ Trần Thị L. Năm nay cháu học lớp 10. Cháu chứng kiến bố mẹ cháu mâu thuẫn từ năm cháu học lớp 5. Bố mẹ cháu hay cãi nhau, chửi nhau, đánh nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Cháu không biết nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa bố mẹ. Từ khi bố mẹ xảy ra mâu thuẫn, bố cháu thường xuyên vắng nhà, có khi bố vắng nhà đến nửa năm, khi về nhà bố cũng chỉ ở vài ngày rồi lại đi. Khi vắng nhà, bố cũng không gọi điện quan tâm đến mẹ và hai chị em cháu. Khi bố về, bố chỉ hỏi cháu qua loa mấy câu còn bố mẹ cháu không nói chuyện với nhau, nếu mẹ cháu nói thì bố cháu lại chửi mẹ. Từ năm cháu học lớp 5 đến nay, mẹ cháu là người chăm sóc, chăm lo cho hai chị em cháu ăn học. Từ Tết âm lịch năm 2021, bố cháu về nhà và hiện vẫn đang ở nhà. Từ khi bố về, cháu thấy bố mẹ ngủ riêng, ba mẹ con cháu ăn cùng nhau còn bố ăn riêng. Mọi chi phí ăn học của hai chị em cháu vẫn do mình mẹ cháu lo liệu. Cháu thấy bố cháu không có trách nhiệm với vợ con, bố vắng nhà suốt, không tình cảm, không quan tâm, không chăm lo cho hai chị em cháu. Bố cháu đã từng lấy tiền của mẹ cháu và mang cả

máy tính mẹ mua cho chị em cháu dùng vào việc học đi bán. Cháu thấy mẹ cháu không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận việc mẹ cháu xin ly hôn. Trường hợp Tòa án xử cho bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được tiếp tục ở với mẹ, cháu không muốn ở với bố.

- Cháu Nguyễn Duy Kh trình bày: Bố mẹ cháu là Nguyễn Văn S và Trần Thị L. Năm nay cháu học lớp 4. Từ năm học lớp 1, cháu đã chứng kiến bố mẹ hay cãi nhau, đánh nhau. Từ đó, bố cháu không ở nhà với mẹ con cháu mà đi đâu cháu không biết, thỉnh thoảng bố cháu mới về và chỉ ở nhà vài ngày lại đi. Từ tết năm 2021, bố cháu về và không đi nữa nhưng cháu thấy bố mẹ cháu không nói chuyện với nhau, ăn riêng, ngủ riêng phòng. Việc ăn học của chị em cháu do một mình mẹ cháu lo liệu, từ khi bố về thỉnh thoảng bố cho cháu tiền mua bim bim. Bố cháu không quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho chị em cháu, mọi việc đều do mẹ cháu làm. Khi biết mẹ xin ly hôn với bố, cháu đồng ý với quyết định của mẹ. Cháu tha thiết xin Tòa án cho cháu được ở với mẹ cháu, cháu không thích ở với bố cháu vì bố hay vắng nhà và không quan tâm chăm sóc cháu.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn S kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 15/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 25/12/2006 và cháu Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 11/9/2012. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S chơi bời, không chăm lo cho gia đình, vợ con, anh thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng mới về nhà một lần. Khi anh S về nhà, vợ chồng hay xô sát, anh S hay đánh đập chị L, có lần chị L phải báo chính quyền địa phương đến giải quyết. Khoảng mấy tháng gần đây, anh S ở nhà và đi làm tự do tại địa phương. Đến nay, mâu thuẫn giữa chị L và anh S đã trầm trọng, chị L xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải nhưng anh S vắng mặt nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh S và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị K, Nguyễn Duy Kh xin được ở với chị L (mẹ các cháu) khi bố mẹ ly hôn.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự

thủ tục đảm bảo khách quan, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được HĐXX tiến hành đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành đúng quy định tại điều 70; điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; khoản 2 điều 81; điều 82; điều 83; điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L, xử cho chị L ly hôn anh S. Giao con chung của anh chị là Nguyễn Thị K và Nguyễn Duy Kh cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu thành niên, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, người làm chứng, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, kết quả xác minh tại Công an xã Vĩnh Khúc, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự có mặt tại phiên tòa, đã có đủ căn cứ khẳng định:

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn S kết hôn hoàn toàn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn ngày 15/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên nên hôn nhân giữa chị L và anh S là hợp pháp. Quá trình chung sống, từ nhiều năm gần đây, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần cãi nhau, anh S đã nhiều lần đánh đập, chửi bới chị L và đã có lần chị L phải báo chính quyền địa phương đến can thiệp. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh S chơi bời, cờ bạc, mắc nợ ngoài xã hội, thường xuyên vắng nhà, có khi đi đến một năm mới về nhà một lần, rất ít quan tâm, chăm sóc gia đình. Từ tết âm lịch năm 2021 trở lại đây, anh S ở nhà thường xuyên hơn nhưng anh chị ly thân, không khí gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi, gia đình không hạnh phúc. Mặc dù không đến Tòa án trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng khi Tòa án đến lấy lời khai của anh S tại nơi anh cư trú, anh đã thể hiện quan điểm rõ ràng trước sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương, anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn và đồng ý ly hôn chị L. Xét

thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị L xin ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị L và anh S đều xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 25/12/2006 và cháu Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 11/9/2012. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Duy Kh, để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị K đến khi các cháu thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét điều kiện nuôi con của chị L và anh S: Từ nhiều năm nay, chị L đi chợ buôn bán thịt lợn và hoa quả, thu nhập bình quân 20.000.000đ/tháng. Anh S khai từ đầu năm 2021 anh làm công nhân, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng nhưng không trình bày làm ở đâu và không cung cấp căn cứ chứng minh lương của anh một tháng là bao nhiêu tiền. Anh chị đều khẳng định có tài sản chung là ngôi nhà 2,5 tầng xây năm 2018 trên 96 m² đất tại thôn thịnh, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Việc nuôi con là quyền và là nghĩa vụ của cha mẹ, nhưng việc giao con cho bên nào trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Từ nhiều năm gần đây, chị L đã một mình chăm sóc, nuôi dưỡng con và chị đã nuôi dưỡng hai cháu rất tốt, hiện tại hai cháu đều khỏe mạnh. Vừa nuôi con, chị vừa trả nợ cho những khoản nợ của anh S và còn xây nhà, những điều này chứng tỏ chị L là một người phụ nữ đảm đang, nghị lực. Vì thường xuyên chăm sóc con nên chị L sẽ hiểu tâm lý con trẻ hơn anh S. Về phía anh S, từ nhiều năm nay, anh chơi bời, nợ nần, làm phá tán tài sản của gia đình, tạo gánh nặng cho vợ con. Anh thường xuyên vắng nhà, rất ít quan tâm đến gia đình. Các con chung của anh chị đã lớn, các cháu đều cảm nhận rõ mâu thuẫn của bố mẹ, tình cảm mà bố mẹ dành cho mình, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ và không muốn ở với bố vì bố thường xuyên vắng nhà, không có trách nhiệm với cháu, không quan tâm, không tình cảm, không chăm lo cho các cháu. Do đó, việc giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tránh sự xáo trộn tâm lý của hai cháu, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cuộc sống của các cháu. Yêu cầu của chị L về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi các cháu thành niên là có căn cứ nên được chấp nhận. Chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Chị L, anh S không đề nghị Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về công sức: Chị L không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 81, điều 82, điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; điều 203; khoản 3 Điều 228; điều 235; điều 266; điều 267; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L. Xử cho chị Trần Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về việc nuôi con chung: Chị L và anh S đều xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị K, sinh ngày 25/12/2006 và cháu Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 11/9/2012. Giao cháu Nguyễn Thị K và cháu Nguyễn Duy Kh cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu thành niên, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0001336 ngày 29/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Văn Giang
- Cơ quan THADS huyện Văn Giang
- UBND xã V
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MIỆN